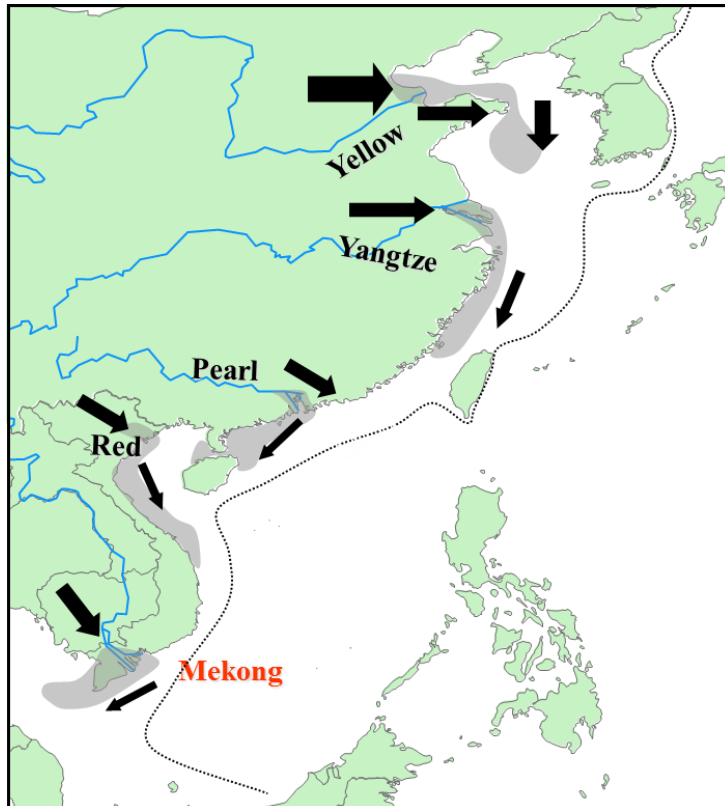


HƯỚNG ĐẾN XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ SÔNG NƯỚC BỀN VỮNG Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



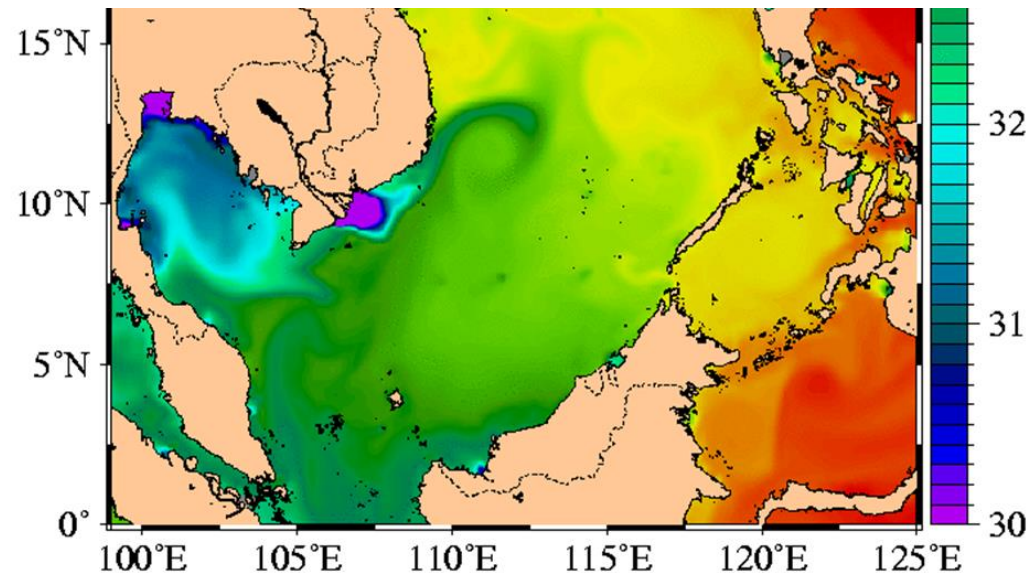
TOWARD A WATER BASED SUSTAINABLE ECONOMY IN MEKONG DELTA

Võ Sĩ Tuấn

*Viện Hải dương học, Viện Hàn lâm Khoa
học và Công nghệ Việt Nam*

Sông Mê Kông là một trong những vùng nước QUỐC TẾ - Mekong river is a international water (GIWA, 2005)”

Đồng bằng Sông Cửu Long là **MỘT hệ sinh thái** giao thoa giữa Biển Đông và Lục địa Đông Dương –
Mekong delta is a unique ecosystem interfacing the SCS & Indochina mainland

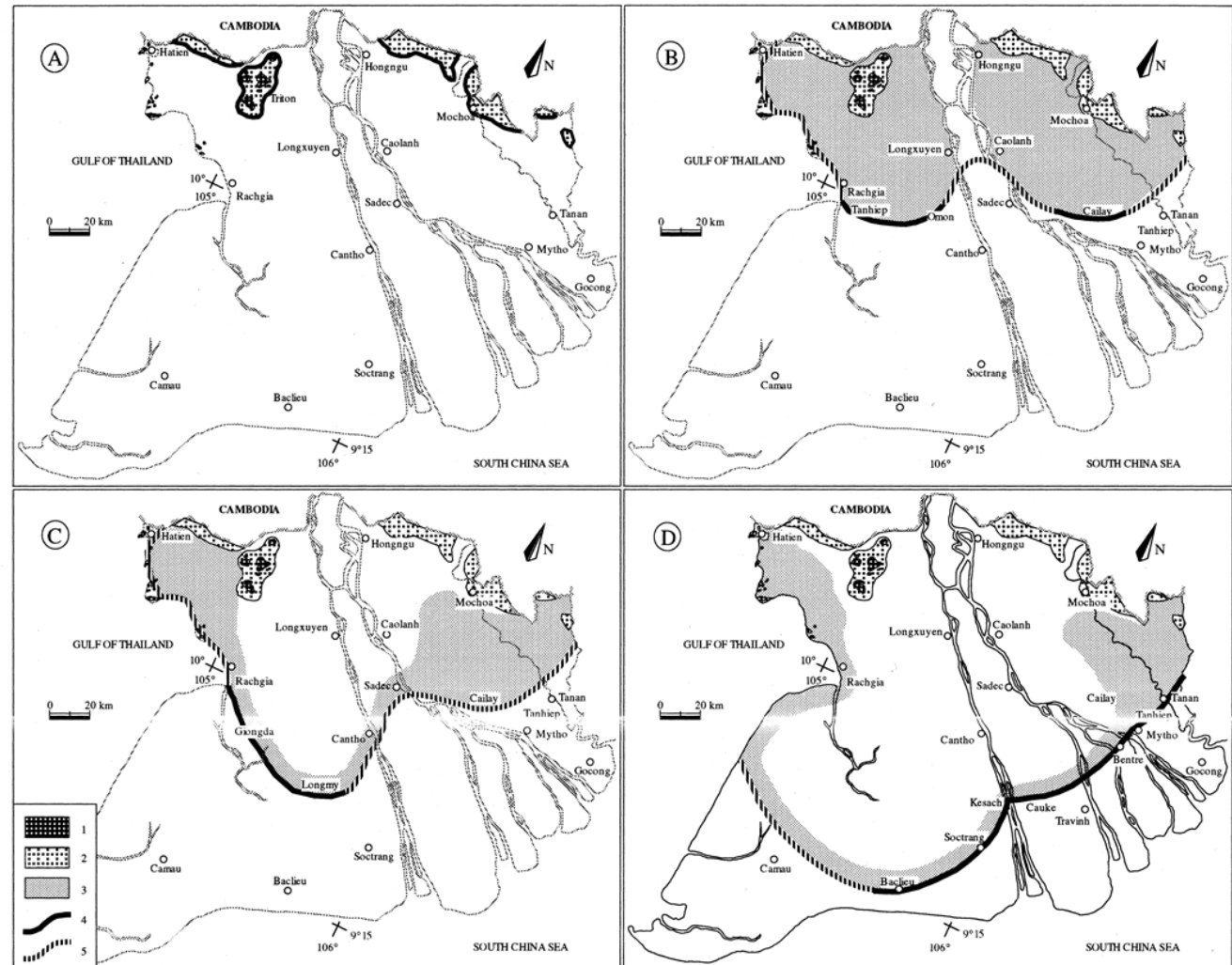


Từng là BIÊN (8 đến 3 ngàn năm trước), hiện là SÔNG NƯỚC và sẽ là SÔNG NƯỚC - BIÊN (nước biển dâng) - used to be the sea, is recently rivery and will be rivery - marine

Đường bờ trước
đây / Past
shoreline

6000 năm
5000 năm
4000 năm
2000 năm

(Nguyen et al., 2000.
Journal of Asian Earth
Sciences 18, 427-
439)



NƯỚC chi phối các quá trình sinh thái và sinh kế của người dân –
Water as a key driven factor for ecological processes and local livelihood



NƯỚC không phải là
NGẮN CÁCH mà là CẦU
NỐI

Water is not barrier but
bridge

(Diễn giải từ câu của Tổng
thống Widodo “*Biển
không phải là ngăn cách
mà là cầu nối*”

THÁCH THỨC – CHALLENGES

Nông nghiệp / vấn đề sử dụng đất và rủi ro - Agriculture with overused land & risks

Nuôi trồng phát triển nhưng thiếu kiểm soát - Aquaculture with high benefit but uncontrolled development

Mâu thuẫn giữa nông nghiệp và nuôi trồng - Conflicts between agriculture & aquaculture

Khai thác thủy sản không bền vững - Unstable fisheries

Thiếu nước ngọt - Fresh water shortage

Khai thác nước ngầm và sụt lún - Exploitation of underground waters

Xói lở bờ biển và sông - River and coastal erosion

Mất mát rừng ngập mặn & suy thoái các sinh cảnh khác - Loss of mangroves & degradation of other habitats

Thiếu Kế hoạch Chiến lược - Lack of a Strategic Action Plan

ĐÓI NGHÈO & MONG MANH POVERTY / VULNERABILITY

Kinh tế sông nước nhằm phát triển bền vững / Thích ứng và khai thác biến đổi khí hậu

Water based economic development for sustainable development / to be resilient to & benefit by climate change

Vận tải thủy & hệ thống giao thông thủy – Waterways & public transportation network

Port system & ship building industry

Du lịch sông nước – water based tourism (Mekong Venice?)

Khai thác thủy sản – sustainable fisheries

Nuôi trồng thủy sản giá trị cao – aquaculture of high value spp.

Công nghiệp chế biến & xuất khẩu – food processing & export

Nông nghiệp thân thiện thiên nhiên- natural friendly agriculture

Bảo tồn rừng ngập mặn & đầm lầy – conservation of mangroves, sharnp & marshes for tourism & fisheries recruitment

Bảo tồn nguồn giống thủy sản – fisheries *refugia*

Quan điểm và giải pháp – Approach & ways forward

Tính lãnh đạo và tầm nhìn - Leadership & Vision

Liên kết – liên ngành trong lập và thực thi kế hoạch - Integrated planning

Nguồn lực con người có học thức & văn minh - High educated and civilized human resources

Điều phối với láng giềng - International coordination

Tính minh bạch và ý nguyện người dân - Transperancy & respecting local communities

Huy động nguồn lực - Stakeholders' resources involvement

Nương theo tự nhiên - Respecting natural processes (eg. Flooding)

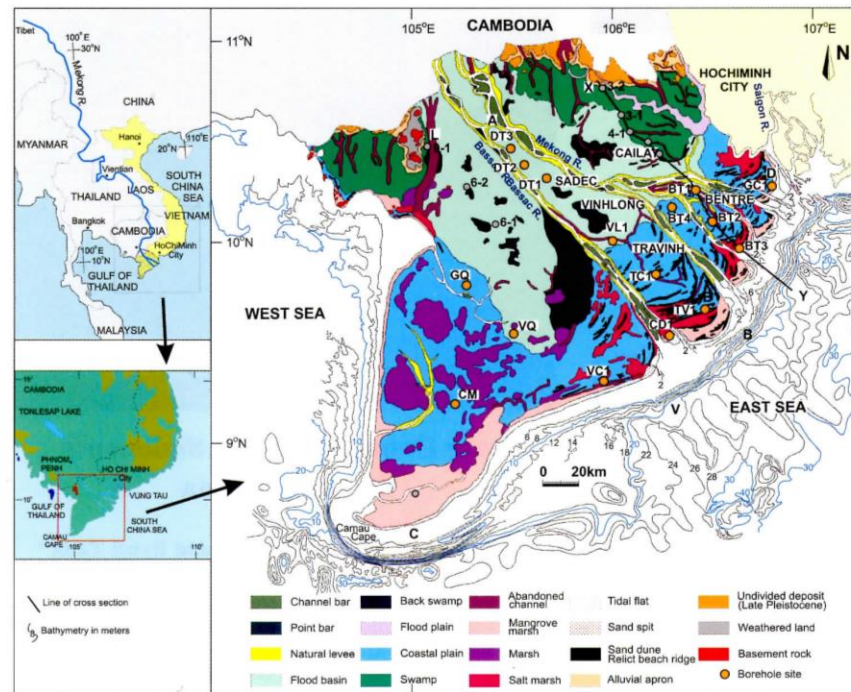
Giảm thiểu tác động tích lũy do con người - Supporting to resilience by reducing antropogenic impacts (deforestation, sand dredging, exloitation of underground water)

A questions about appropriateness in applying traditioanl agricultural thinking into governance of Mekong delta?

CẢM ƠN SỰ LẮNG
NGHE CỦA QUÍ VỊ

THANKS FOR
YOUR ATTENTION

Let understand nature &
work together



文献
Ta, T.K.O., Nguyen, V.L., Tateishi, M., Kobayashi, I. and Saito, Y., 2005, Holocene delta evolution and depositional models of the Mekong River Delta, southern Vietnam. *SEPM Spec Publ.*, no. 83, 453-466.
Ta, T.K.O., Nguyen, V.L., Tateishi, M., Kobayashi, I., Tanabe, S. and Saito, Y., 2002, Holocene delta evolution and sediment discharge of the Mekong River, southern Vietnam. *Quatern. Sci. Rev.*, **21**, 1807-1819.

Fig. 1. Surface geomorphology and surrounding bathymetry of the Mekong River Delta.



dinal geolog-
ion of the
Delta. Loca-
es and cross
own in Fig. 1.
time lines in
years BP).